

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

Năm học: 2023 - 2024

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	NGUYỄN QUANG SỰ	30/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.4	16.2	Trường THCS Lộc Sơn	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TDTT	TT
2	NGUYỄN HUỖNH PHI LONG	21/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		9	10	10	10	39.0	8.8	17.4	Trường THCS Phan Bội Châu	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TDTT	TT
3	NGUYỄN CHÍ DŨNG	02/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.5	10	10	10	10	41.5	9.3	17.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
4	TRỊNH NGUYỄN THÙY DƯƠNG	21/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.5	10	10	10	10	41.5	8.6	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
5	LƯU BỘI BỘI	20/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	9.4	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
6	DƯƠNG THỊ KIM MAI	10/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	9.3	17.6	Trung Mỹ Tây 1		NV1
7	CHUỖNG HỒNG LINH	12/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	9.3	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
8	TIẾT GIA KIM LONG	17/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	9.3	16.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
9	THIỆU THỊ DUYÊN HỒNG	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	10	10	10	10	41.0	9.1	17.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
10	VÒNG MỸ DUYÊN	20/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	9.1	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
11	NGUYỄN MINH CAO TRÍ	01/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	10	10	10	10	41.0	9.1	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
12	MA THỊ THÁI BẢO	18/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	10	10	10	10	41.0	9.0	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
13	HUỖNH VŨ GIA NGHI	05/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	8.9	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
14	NGUYỄN HỮU BẢO PHÚC	16/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	10	10	10	10	41.0	8.9	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
15	NGŨ TUỆ MINH ANH	21/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	10	10	10	10	41.0	8.8	16.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
16	VẦY NGÔ PHƯƠNG THẢO	29/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	10	10	10	10	41.0	8.7	16.7	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
17	HUỖNH KIM QUYÊN	03/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	8.7	16.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
18	HOÀNG ĐẶNG ANH NGỌC	08/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	10	10	10	10	41.0	8.7	15.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
19	CHUỖNG HỒNG NGỌC	29/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	8.5	14.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
20	NGUYỄN VĂN HẢI	18/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	10	10	10	10	41.0	8.2	15.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
21	SÂU TUYẾT VY	09/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	10	10	10	10	41.0	8.1	15.3	Trường THCS Đam Bri		NV1
22	BÙI NGUYỄN BÍCH DUYÊN	11/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.5	10	9	10	10	40.5	9.1	17.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
23	TRẦN CAO ANH KHOA	14/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.7	18.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
24	ĐẶNG HOÀNG BẢO NGHI	21/08/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.7	18.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
25	VŨ THỊ THỦY	25/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.7	18.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
26	NGUYỄN THU HUYỀN	21/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.6	18.6	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
27	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	15/08/2008	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.6	18.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
28	TRẦN NGUYỄN YÊN	KHANH	25/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.6	17.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
29	BÙI NGUYỄN UYÊN	THƯ	04/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.6	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
30	PHAN THỊ THUỶ	HÀNG	14/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
31	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	12/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
32	HÀ BẢO	HUỆ	01/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
33	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	NGÂN	10/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
34	VŨ LINH QUỲNH	LÂM	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
35	TRẦN HOÀNG ANH	KHOA	01/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	18.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
36	NGUYỄN LÂM BẢO	NGỌC	07/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
37	LÊ ĐẮC MINH	THUẬN	01/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
38	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	25/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
39	TRÀ	MY	18/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
40	ĐỖ NGỌC HOÀI	THƯƠNG	10/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
41	LÃ PHƯƠNG	LINH	15/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
42	PHẠM DIỆU	AN	02/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.5	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
43	NGUYỄN ĐỖ THÀNH	AN	20/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
44	ĐINH VI UYÊN	THI	08/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
45	LÊ NGUYỄN HOÀNG	QUYÊN	10/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
46	ĐỖ VĂN ĐỨC	ANH	21/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.1	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
47	TRẦN KHÁ	PHỤNG	09/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
48	TRẦN ĐẠI LỰC	CHÂU	08/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	18.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
49	MAI ANH KIM	NGUYỄN	18/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
50	TRẦN NGỌC BẢO	THI	05/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
51	NGUYỄN HỮU MINH	TÂM	28/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
52	MAI THỊ QUỲNH	TRANG	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
53	LÊ THỊ THU	THẢO	27/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
54	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	LỢI	23/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
55	NGUYỄN HOÀI ÁNH	NGỌC	27/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
56	TRẦN VĨ	ĐỘ	29/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
57	PHẠM LÂM	ANH	30/10/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
58	TRẦN NGUYỄN HẢI	ANH	31/01/2008	Lạng Sơn	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
59	LÊ NGỌC THẢO	AN	12/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
60	BÙI NGUYỄN UYÊN	NHI	07/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
61	NGUYỄN ANH TUÂN	01/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
62	ĐỖ THỊ MỸ LINH	22/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
63	VŨ NGỌC BẢO HÂN	22/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
64	CHU HẢI ANH	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
65	NGUYỄN TIỂU TIỀN	16/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
66	TRẦN THỊ THANH TÂM	04/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.4	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
67	ĐINH PHÙNG HOÀNG OANH	04/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
68	ĐINH NGỌC ANH THU	16/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
69	TRẦN THỊ MINH THU	22/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
70	NGUYỄN THUỖ VÂN	19/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
71	TRẦN NGUYỄN ANH	05/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
72	VÕ KHÁNH NGUYỄN	13/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
73	LÊ HẢI LINH	05/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	18.0	Trường THCS Lộc Thành		NV1
74	NGUYỄN LÊ NGỌC QUỲNH	10/09/2008	Bình Phước	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
75	LÊ MINH THỰC ĐOÀN	14/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
76	ĐINH NHẬT QUỲNH ANH	26/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
77	NGUYỄN ĐỨC ANH TUÂN	19/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
78	ĐỖ HẢI YẾN	18/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
79	PHẠM NGỌC HẢI MY	01/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
80	ĐỖ HOÀNG KHÁNH LINH	24/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
81	LÊ NGUYỄN GIA HÂN	08/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
82	VÕ PHỤNG NGHI	08/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
83	NGUYỄN GIA KHÁNH	17/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
84	HOÀNG NHẬT VY	12/10/2008	Bình Thuận	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
85	PHẠM MINH CHÂU	08/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
86	VŨ NGUYỄN UYÊN NHI	01/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
87	DƯƠNG NGỌC ẨM KIM	26/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
88	TRẦN HẢI PHƯƠNG LINH	23/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
89	TRẦN MINH NGUYỆT	02/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
90	LÊ ĐÌNH BẢO CHÂU	10/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
91	PHẠM THANH TRƯỜNG	18/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
92	PHẠM CHÂN THIÊN MỸ	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
93	HOÀNG MẠNH HÙNG	09/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1


 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 VIỆT NAM

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
94	ĐÀO NGUYỄN NGỌC	TRÂM	24/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
95	PHAN NHƯ	BÌNH	27/01/2008	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
96	PHAN NGỌC	THẠCH	11/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
97	VŨ BÍCH	HUYỀN	31/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
98	TRẦN THỊ BẢO	TRẦN	24/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
99	TRƯƠNG NGUYỄN GIA	NHƯ	19/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
100	BÙI HÀ BẢO	NGỌC	06/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
101	HUỶNH TẤN	PHÁT	13/09/2008	Đồng Nai	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	17.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
102	TRẦN THỊ THU	TRANG	04/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
103	ĐẶNG MINH	ANH	23/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
104	ĐÀO THỊ CHÍ	TÂM	04/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	16.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
105	HUỶNH PHÚC BÁCH	TRÍ	18/05/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.3	16.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
106	NGUYỄN KIỀU	TRANG	02/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	18.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
107	PHẠM PHƯƠNG	VY	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	18.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
108	TRẦN ĐÌNH THÁI	BẢO	19/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.9	Trường THCS Trần Phú		NV1
109	LÊ MINH	KHANG	26/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
110	HÀ THU	HĂNG	18/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
111	VŨ NGỌC LAN	ANH	09/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
112	VŨ THÁI	BẢO	08/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
113	TÀO NGỌC BẢO	TÂM	23/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
114	NGUYỄN TRẦN NGỌC	PHI	09/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
115	VŨ THỊ ANH	THỐ	01/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
116	LÊ MINH	HIẾU	29/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
117	MAI NGỌC THU	TRANG	15/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
118	NGUYỄN LÊ HOÀI	THƯ	01/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
119	NGUYỄN HOÀNG ANH	THỐ	26/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
120	VŨ THỊ ÁNH	MAI	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
121	MAI VIỆT	KHÔI	10/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
122	ĐẬU MINH	TÂM	19/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
123	NGÔ THỊ QUỲNH	DUYỀN	22/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.3	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
124	NGUYỄN KIM	NGÂN	14/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
125	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	30/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
126	ĐINH XUÂN PHƯƠNG	ANH	23/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
127	NGUYỄN THÁI NGỌC	HÀ	21/10/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
128	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	15/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
129	VŨ NHẬT QUỲNH	ANH	20/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
130	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	LÂM	19/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
131	ĐINH NHƯ ĐIỂM	QUYÊN	02/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
132	NGUYỄN LÂM CHÍ	TUÔNG	19/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
133	BÙI HOÀNG BẢO	NHI	11/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
134	TRẦN BẢO	NGỌC	02/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
135	TRẦN HOÀNG	KIM	24/09/2008	Nước Ngoài	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
136	LÊ MINH	HOAN	01/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
137	ĐẶNG TRẦN QUỐC	ANH	16/04/2008	Bình Thuận	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
138	TRẦN HOÀNG THIÊN	ÂN	31/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
139	NGUYỄN ĐIỀU	KHÁNH	01/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
140	ĐỖ ĐỨC ANH	VƯỢNG	11/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
141	CAO NGỌC BẢO	UYÊN	07/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
142	HUỶNH VŨ HUYỀN	MY	17/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
143	ĐẶNG NGỌC THANH	TRÚC	22/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
144	LÊ DUY	QUANG	18/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.2	16.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
145	HOÀNG ANH	TUẤN	27/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	18.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
146	VŨ NGUYỄN	LONG	17/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	18.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
147	HOÀNG NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	18.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
148	CAO THỊ THANH	DUNG	16/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
149	LÊ ĐÌNH	THẮNG	06/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
150	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	07/03/2008	Ninh Thuận	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
151	NGUYỄN MINH	ĐỨC	26/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
152	NGUYỄN TRẦN VĂN	ANH	14/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
153	NGÔ HUỶNH	ANH	10/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
154	TRẦN BẢO THIÊN	KIM	12/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
155	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	06/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
156	ĐƯƠNG THỊ VÂN	ANH	27/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
157	LÊ HOÀNG BẢO	THY	12/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
158	TRẦN THỊ THUY	VÂN	16/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
159	TRẦN THỊ THÚY	AN	28/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
160	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	TRÂM	15/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
161	MAI NGUYỄN VĂN	KHÁNH	16/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
162	VŨ TÂM	ĐAN	10/08/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
163	TRẦN KHÔI	NGUYỄN	19/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
164	TRẦN PHAN MAI	TRANG	02/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
165	LÊ BÁ	THIỆN	08/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
166	TRẦN ĐÌNH NHẬT	HÀO	15/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
167	LẠI NHƯ	AN	31/08/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
168	NGUYỄN TRẦN ĐOAN	THÙY	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
169	NGUYỄN MINH	NHẬT	29/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
170	NGÔ QUỐC	THÁI	27/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	17.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
171	LÊ TRẦN THANH	TÂM	30/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
172	NGUYỄN QUỲNH	THY	04/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
173	VÔ THÀNH	NHÂN	06/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
174	VŨ HOÀNG GIA	HUY	10/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
175	LÊ ĐỨC	DUY	05/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
176	NGUYỄN QUỲNH	CHI	27/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
177	TRẦN LÊ TRÚC	QUỲNH	26/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
178	HUỲNH PHẠM THƯƠNG	THƯƠNG	08/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
179	NGUYỄN XUÂN QUỐC	VIỆT	01/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
180	NGUYỄN MINH	THƯ	23/03/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
181	ĐỖ MINH	HIỆU	08/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
182	NGUYỄN THIÊN	HƯƠNG	28/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
183	PHẠM ANH	KHOA	12/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
184	NGUYỄN QUANG BẢO	HÂN	26/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
185	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	23/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.1	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
186	DƯƠNG MINH	TRUNG	23/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	19.1	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
187	ĐUỒNG QUỐC	ANH	30/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.9	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
188	LÊ VĂN	HUY	26/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
189	ĐỖ THỊ MAI	VY	14/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.8	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
190	TRẦN QUỲNH	ANH	16/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.8	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
191	ĐẶNG LÊ BẢO YẾN	19/05/2008	Kon Tum	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
192	NGUYỄN HỮU NHÂN	07/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Lộc Quảng		NV1
193	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	12/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
194	TRẦN HẢI NAM	02/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
195	ĐINH TUỆ TÂM	11/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Phú Mỹ		NV1
196	VÔ ANH HUY	28/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
197	NGÔ NGUYỄN ĐỨC NHÂN	16/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
198	BÙI MINH ĐỨC	11/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
199	NGUYỄN THỦY DUYẾN	30/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.4	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
200	NGUYỄN THANH VY	10/02/2008	Bình Định	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
201	NGUYỄN TRẦN BẢO ÁNH	07/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
202	PHẠM MINH KHANG	30/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
203	NGÔ HẢI MY	14/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
204	MAI THANH TUYỀN	28/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
205	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	04/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
206	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Lộc Nga		NV1
207	HỒ NGÂN ANH	23/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
208	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	11/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
209	NGUYỄN THÀNH NHÂN	08/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
210	VŨ HOÀNG THỦY LINH	28/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
211	NGUYỄN ĐÀO PHƯƠNG TRANG	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
212	LÊ QUỲNH NHI	20/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	1.0	9	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
213	TRỊNH QUANG MINH TIẾN	03/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
214	TRẦN NGUYỄN THÀNH TRUNG	21/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
215	NGUYỄN PHŨ GIA NHƯ	04/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
216	VŨ LÊ MINH KHANG	31/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
217	LÂM NGUYỄN KIM THƯ	03/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
218	NGUYỄN NGỌC THẢO VÂN	26/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
219	NGUYỄN LÊ BẢO KHÁNH	09/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
220	ĐÀO THỊ THANH HÀ	21/10/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
221	PHẠM VŨ BẢO LONG	03/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
222	NGÔ NGUYỄN HIẾU	NGỌC	23/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
223	VƯƠNG KHÁ	LONG	09/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
224	HOÀNG LÊ TRUNG	QUẢN	20/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
225	ĐOÀN TRẦN UYÊN	MY	03/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
226	HỒ THỊ LÊ	DUNG	14/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
227	LÊ NGUYỄN MINH	CHÁU	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
228	LÊ NGUYỄN BẢO	TRÂM	03/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.6	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
229	TRƯƠNG VÔ HÀ	LINH	31/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
230	HÀ MINH	TRIẾT	09/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
231	HOÀNG MAI	LINH	10/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
232	NGUYỄN PHÚ HẢI	ĐĂNG	01/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
233	BÙI THỊ THẢO	UYÊN	24/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
234	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	KIÊN	15/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
235	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	29/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
236	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	21/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	10	9	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
237	NGUYỄN HOÀNG YÊN	NHI	20/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
238	NGUYỄN VI VI	AN	17/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
239	ĐẶNG QUANG	HUY	17/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
240	PHAN BỬI ANH	VŨ	19/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
241	NGUYỄN UYÊN	MY	10/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	9	10	10	10	40.0	9.0	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
242	TRẦN DƯƠNG GIA	HÂN	17/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
243	ĐÀO DUY	THỊNH	27/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
244	VŨ PHẠM HƯƠNG	TRÀ	25/02/2008	Đắk Lắk	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
245	NGUYỄN HƯƠNG VIỆT	ANH	08/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	16.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
246	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	24/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	9.0	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
247	TRẦN NGỌC	HÂN	26/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	18.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
248	NGUYỄN NHẬT	HUY	16/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
249	NGÔ AN	NHI	24/06/2008	Quảng Nam	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
250	NGUYỄN MẬU AN	KHÁNH	24/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
251	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	14/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
252	MAI KHÁNH	PHƯƠNG	26/10/2008	Bạc Liêu	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
253	LÊ QUẾ	TRẦN	25/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Đại Lào		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
254	LÂM ĐOÀN QUỐC BẢO	08/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
255	BÙI KHÁNH NGÂN	28/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
256	NGUYỄN KHÁNH TÀI	26/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
257	NGUYỄN THANH XUÂN	20/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
258	TRỊNH LÊ HẠ VI	07/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
259	PHẠM NGỌC THANH NHI	24/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
260	PHẠM TRANG PHƯƠNG TRINH	28/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
261	VŨ NGUYỄN ANH THU	23/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
262	PHẠM THIÊN HỒNG TRÚC	01/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
263	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	08/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
264	TRƯƠNG MỸ ANH	18/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Trần Phú		NV1
265	TRẦN QUỲNH AN	06/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
266	NGUYỄN TUẤN KHANH	29/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
267	TRỊNH AN PHƯƠNG	07/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
268	PHẠM THỊ LAN ANH	21/01/2008	Hải Dương	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
269	LÊ KIỀU KHANH	06/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
270	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	16/09/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
271	TRẦN HẢI DĂNG	08/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
272	HỒ HOÀNG PHI YẾN	12/03/2008	Đồng Nai	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường TH, THCS & THPT Quốc Tế Châu Á Thái Bình Dương Bảo Lộc		NV1
273	HỒ KHÁ MẠNH DUY	20/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
274	LÊ PHƯƠNG HIỀN	04/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
275	NGUYỄN THU HIỀN	29/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
276	TRẦN NGUYỄN KHÁNH THUY	29/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
277	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	12/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
278	ĐINH TIỀN DŨNG	25/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
279	TRẦN HOÀNG NHẬT VY	01/03/2008	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
280	VŨ TRẦN HOÀNG NGUYỄN	27/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
281	LÃ PHÚC QUANG	11/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
282	NGUYỄN NGỌC THẢO MY	24/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
283	TRẦN BUI MINH CHÁU	13/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
284	CHU GIA	KHÁNH	27/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
285	TRẦN	KHA	13/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
286	NGUYỄN DOÀN	CƯỜNG	21/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
287	NGUYỄN THANH	NGỌC	20/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
288	THÂN MINH	ANH	23/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
289	PHẠM ĐỨC	KHẢI	25/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
290	TRẦN ANH	THƯ	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	15.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
291	PHAN NGUYỄN BẢO	HÂN	29/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	15.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
292	NGUYỄN TRẦN UYÊN	MY	17/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.9	15.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
293	LÊ THANH	AN	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	9	10	10	10	40.0	8.8	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
294	PHẠM YẾN	NHI	11/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
295	NGUYỄN BẢO DUY	KHÁNH	14/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
296	NGUYỄN HỒ	LAM	30/11/2008	Bình Dương	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.3	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
297	PHẠM NGỌC THỦY	TRÂM	24/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
298	ĐINH HOÀNG NHẬT	ANH	23/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
299	TRẦN BUI HOÀNG	YẾN	22/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Chu Văn An		NV1
300	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	31/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
301	NGUYỄN HỮU ANH	KHOA	04/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
302	HOÀNG THỦY VÂN	ANH	24/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	17.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
303	ĐÀM VŨ THỦY	QUỲNH	27/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
304	NGUYỄN GIA	HUY	30/10/2008	Thanh Hóa	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
305	NGUYỄN NGỌC TÚ	UYÊN	15/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
306	NGÔ BẢO THIÊN	HƯƠNG	21/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
307	PHẠM VŨ THỰC	NHI	26/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
308	VŨ HOÀNG	DANH	09/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
309	NGÔ HOÀNG MAI	THẢO	24/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.8	Trường THCS Trần Quốc Toàn		NV1
310	DƯƠNG HOÀNG YẾN	TRANG	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
311	MAI ANH	ĐÀO	10/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
312	TÔ HẢI	YẾN	25/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
313	NGUYỄN NGÔ BẢO	CHI	05/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
314	NGUYỄN NHẬT	ĐỒNG	09/12/2008	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
315	NGUYỄN NGỌC THANH	TRANG	02/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
316	CAO TRẦN NGỌC	LINH	09/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
317	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
318	TRẦN NGỌC HỒNG	ANH	11/07/2008	Ninh Thuận	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
319	HUỶNH HÀ GIA	HÂN	17/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
320	LÊ HỒNG	HẢI	02/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.4	Trường THCS Trần Phú		NV1
321	DƯƠNG NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	10/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
322	HOÀNG CHÍ	DŨNG	07/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	10	10	9	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
323	NGUYỄN ANH	KHOA	13/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
324	NGUYỄN ĐẶNG ANH	KHOA	02/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
325	ĐINH TIẾN	LỢI	01/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
326	LÊ KHÁNH	LINH	13/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
327	PHẠM PHƯƠNG	TRÀ	08/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
328	TRẦN VŨ MAI	ANH	01/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
329	NGUYỄN ANH	TÚ	07/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
330	LƯU ĐỖ BẢO	NGỌC	23/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
331	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	HÂN	16/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
332	NGUYỄN BẢ NAM	SƠN	11/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
333	TRẦN TRUNG	TÍN	23/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
334	BÙI NGÔ TRANG	NHUNG	08/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
335	NGUYỄN ĐOAN	TRINH	07/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
336	LÊ NGỌC ANH	THU	27/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
337	TRANG NGỌC TRÍ	ĐỨC	29/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
338	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	VY	06/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
339	TRƯƠNG TRẦN ĐĂNG	KHÔI	24/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
340	LÊ QUANG	KHAI	27/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
341	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	ANH	03/02/2008	Đồng Tháp	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.8	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
342	LÊ ĐỨC	HUY	20/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
343	VŨ YÊN	TRANG	23/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
344	LƯƠNG VŨ KHÁNH	PHƯƠNG	29/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	17.0	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
345	NGÔ NGUYỄN ANH	NHƯ	17/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
346	ĐOÀN PHÚC	NGUYỄN	14/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
347	PHẠM HUY	HOÀNG	09/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
348	NGUYỄN LÂM AN	15/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
349	LẠI NHẬT THANH	21/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
350	TRẦN TRIỆU VÂN	21/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
351	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	25/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
352	LƯƠNG HỮU HẢI	09/09/2008	Thanh Hóa	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
353	LÊ THỊ MINH CHÂU	06/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
354	VŨ HOÀI BẢO TRÂM	08/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
355	HOÀNG THỊ THANH HẢ	25/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
356	TRẦN LÊ ANH QUÂN	22/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
357	VÕ LÊ LINH ĐAN	16/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
358	NGUYỄN NGỌC BẢO NGÂN	21/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
359	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
360	TRẦN ĐỨC VINH	25/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.2	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
361	CAO BÀ KHANG	08/10/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
362	NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG	29/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.1	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
363	HUỶNH PHẠM QUỲNH ANH	26/11/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
364	ĐỖ QUỐC HUY	08/06/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
365	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	02/07/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	16.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
366	LƯU MỸ PHƯƠNG	08/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
367	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	27/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
368	TRẦN THỊ KIM ANH	30/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
369	TRANG HỒ MINH HIẾU	16/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Lộc Thành		NV1
370	TRẦN NGỌC KHÁNH AN	28/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
371	HOÀNG NGỌC KHÁNH VY	20/04/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
372	PHẠM THANH TRÚC	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
373	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	13/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
374	NGUYỄN ĐAN THIÊN	15/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
375	NGUYỄN BẢO THY	01/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
376	PHẠM THỊ HIỀN	11/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
377	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂN	16/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.5	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
378	TRẦN NGỌC XUÂN	NHI	08/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
379	TRẦN HUỖNH KHÁNH	VY	16/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
380	ĐỖ NGỌC TRÚC	LINH	10/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
381	VŨ MINH	QUYÊN	10/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
382	NGUYỄN ĐỖ HUY	HOÀNG	08/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
383	ĐỖ THÀNH	VINH	22/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
384	BÙI THÁI BẢO	NGÂN	03/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
385	DƯƠNG KHÁNH	THY	25/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	15.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
386	ĐẶNG NGUYỄN HỮU	KHÔI	01/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	14.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
387	LÊ MINH	MẦN	02/06/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.7	14.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
388	NGUYỄN HỮU	THỊNH	15/05/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
389	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	24/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
390	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRINH	12/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.9	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
391	NGUYỄN THỦY LAN	ANH	02/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
392	PHAN LÊ ANH	CÔNG	06/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
393	TRẦN BẢO	NGỌC	01/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
394	PHÙNG THỊ MỸ	HẠNH	06/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Đạm Bri		NV1
395	ĐẬU THỊ THỦY	DƯƠNG	25/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
396	LƯU TRƯỜNG	AN	21/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
397	NGUYỄN MINH	PHÚC	11/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.4	Trường THCS Đạm Bri		NV1
398	CAO NGỌC THANH	THÚY	28/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
399	TRẦN NGỌC THANH	VÂN	01/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
400	TRƯƠNG MAI	NGUYỄN	21/01/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.3	Trường THCS Chu Văn An		NV1
401	ĐÀO QUANG	PHÚC	28/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.0	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
402	NGUYỄN MAI THÀNH	VINH	21/04/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	16.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
403	MAI HOÀNG	NHI	06/07/2008	Đắk Lắk	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
404	NGUYỄN NGỌC TÚ	NGÂN	12/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
405	BÙI NGỌC	BÍCH	12/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.8	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
406	LÊ ĐỒNG QUỲNH	TRẦN	24/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.7	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
407	VŨ NGỌC MINH	THƯ	30/07/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.4	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
408	PHẠM TRÍ	NGUYỄN	18/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.2	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
409	NGUYỄN BÀ GIA	HÂN	30/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	15.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
410	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	11/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.6	14.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
411	TRẦN ĐÌNH	KHÔI	27/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
412	NGUYỄN VŨ BẢO	THU	26/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
413	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DIỆP	04/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
414	NGUYỄN XUÂN	VY	12/06/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
415	NGUYỄN KHIẾT	TÂM	28/09/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
416	NGUYỄN NGỌC	BÌNH	12/02/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
417	ĐÌNH THỊ THANH	TƯỚI	03/01/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
418	NGUYỄN HƯƠNG	THẢO	14/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
419	MAI LÊ HƯƠNG	THẢO	02/08/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.5	Trường THCS Hòa Bắc		NV1
420	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	21/12/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
421	NGUYỄN LÊ NHÃ	TIẾN	24/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
422	TRẦN NGUYỄN ANH	THY	22/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
423	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	16/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
424	VŨ HOÀNG	TRANG	10/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
425	HOÀNG VŨ NGỌC	SƠN	06/04/2008	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.2	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
426	TRẦN QUỐC	KHÁI	13/04/2008	Bình Định	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
427	TRƯƠNG NGỌC	MINH	23/10/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
428	NGUYỄN HOÀNG MAI	LAN	16/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
429	LÊ BẢO	QUYÊN	08/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.1	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
430	PHẠM NGUYỄN BẢO	LONG	18/08/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
431	ĐÌNH HỮU	THÔNG	14/09/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	16.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
432	NGÔ THIÊN	ĐẠT	21/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
433	PHẠM VŨ THẢO	MY	23/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
434	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	04/03/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
435	TRẦN THỊ PHƯƠNG	HẰNG	20/02/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
436	HỒ HUYỀN	TRANG	16/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
437	ĐÀO THỊ THU	HUYỀN	25/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
438	TRẦN QUỲNH	ANH	29/05/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
439	NGÔ MINH	TÚ	12/01/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.1	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
440	NGUYỄN NGỌC	NHI	07/10/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	15.0	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
							Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
441	HUỶNH NGUYỄN BẢO KHUYẾN	26/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	Kinh		10	10	10	10	40.0	8.5	14.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1

Danh sách này có 441 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 441 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 2 HS gồm: HS trường PT DTNT : 0 HS, HS khuyết tật: 0 HS *1 HS đạt giải QG, QT về TDTT*

- Số HS nguyện vọng 1: 439 HS,

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 40.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 8.5 Điểm; Điểm Toán + Văn: 14.8 điểm

- Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,

Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: điểm; Điểm TBCN lớp 9: Điểm; Điểm Toán + Văn: điểm

- Số lớp: *11* lớp; Sĩ số: *44* HS/lớp



Lâm Đồng, ngày *03* tháng *7* năm *2023*

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Quang Long

